

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày 03 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2022/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Vũ Văn Đ - sinh năm: 1993 tại xã NghA, huyện NGi, tỉnh Hải Dương; Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn PhL, xã NghA, huyện NGi, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn L - sinh năm: 1970 và bà Trần Thị L (đã chết); vợ: chị Nguyễn Thùy D - sinh năm: 1999. Bị cáo có 02 con; con lớn - sinh năm: 2018; con nhỏ - sinh năm: 2020.

Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Bản án số: 44/2019/HS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện NGi, tỉnh Hải Dương xử phạt Vũ Văn Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: "Trộm cắp tài sản" (tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 13.050.000 đồng), bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 03/4/2021; nộp tiền án phí ngày 03/10/2019.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2022 chuyển tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương theo Lệnh tạm giam số: 25/LTG- CSĐT ngày 20/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: thôn PhL, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đặng Quốc Kh, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: thôn PhL, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: thôn PhL, xã NghA, huyện NGi, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: thôn ĐC, xã ĐX, huyện NGi, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Bùi Quang Th, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: thôn 4, xã TH, huyện NGi, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: thôn ĐTr, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị Lầy, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: thôn PhL, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn Đ và anh Đặng Quốc Kh, sinh năm: 1971, chị Trần Thị L, sinh năm: 1975 đều có Hộ khẩu thường trú: xóm LH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, hiện đang thuê trọ tại thôn PhL, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương, cùng là công nhân công ty TNHH Sky Dragon địa chỉ tại thôn Q, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 15 giờ 00' ngày 11/7/2022, Đ đi nhờ xe của người đi đường từ nhà đến nhà trọ của vợ chồng anh Kh và chị L mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến, Đ thấy cửa chính nhà trọ của chị L, anh Kh khóa nên Đ đi ra vườn sau nhặt một lưỡi cưa bằng sắt rồi đi vào hướng bên phải nhà trọ. Thấy cửa sổ không đóng, Đ dùng lưỡi cưa, cưa đứt nửa phía trên song cửa thứ hai rồi dùng tay kéo song cửa tạo khe hở để chui vào nhà trọ. Đ vào phòng ngủ, mở tủ gỗ màu nâu loại tủ hai cánh thì thấy có 01 chiếc ba lô màu đen. Đ mở các ngăn của ba lô thì thấy tại ngăn nhỏ phía ngoài cùng có 02 chiếc phong bì, bên trong có thẻ ATM màu xanh, ghi ngân hàng BIDV, 01 thẻ ghi DANG QUOC KHANH, 01 thẻ ghi TRAN THI LOI, mỗi thẻ kèm theo 01 Giấy Thông báo số mật mã cá nhân (mã pin kích hoạt thẻ). Do làm cùng Công ty nên Đ biết đây là hai chiếc thẻ

ATM của anh Kh, chị L dùng để nhận lương của Công ty trả lương vào tài khoản. Đ lấy 02 thẻ ATM trên cùng 02 Giấy Thông báo số mật mã cá nhân với mục đích khi nào Công ty trả lương vào tài khoản, Đ sẽ dùng thẻ ATM rút tiền. Đ lục tìm tài sản nhưng không thấy gì nên đã chui qua cửa sổ để ra ngoài rồi lắp đoạn song cửa đã cửa ban đầu và khép cửa lại rồi đi về. Khi ra đường, Đ vớt lưới cửa xuống ao (*không nhớ vị trí cụ thể*). Chiều ngày 14/7/2022, Đ thấy tin nhắn về điện thoại thông báo Công ty trả lương tháng 06/2022. Khoảng 17h 00' ngày 14/7/2022, Đ cầm theo 02 thẻ ATM cùng Giấy Thông báo mật mã cá nhân của anh Kh và chị L đến vị trí máy rút tiền tự động của ngân hàng BIDV tại cổng công ty Sky Dragon. Tại đây, Đ sử dụng thẻ ATM mang tên TRAN THI LOI và nhập mã pin của thẻ (*mật khẩu*) để kiểm tra thì thấy tài khoản thẻ của chị L có 8.664.000 đồng. Đ rút hai lần, lần một rút 5.000.000 đồng, lần hai rút 3.000.000 đồng. Tổng số tiền Đ rút hai lần là 8.000.000 đồng, còn lại số tiền 600.000 đồng có thể rút được, nhưng do tại thời điểm rút tiền có đông người sợ bị phát hiện nên Đ để lại 600.000 đồng sẽ rút sau. Đ đổi mật khẩu thẻ ATM mang tên TRAN THI L thành "555555" rồi xé nhỏ giấy ghi mã pin ban đầu thẻ ATM của chị L và vớt ở chân máy rút tiền, còn thẻ ATM mang tên anh Kh, Đ chưa sử dụng. Đ cầm số tiền 8.000.000 đồng để trả nợ vay trước đó, cụ thể: trả anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1993 ở thôn PhL, xã NghA, huyện NGi, tỉnh Hải Dương 5.000.000 đồng; trả anh Nguyễn Đức Th, sinh năm: 2001 ở thôn ĐC, xã ĐX, huyện NGi, tỉnh Hải Dương 500.000 đồng; trả anh Bùi Quang Th, sinh năm: 2002, trú tại: Thôn 4, xã TH, huyện NGi, tỉnh Hải Dương 500.000 đồng, trả anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1991, trú tại: Thôn ĐTr, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương 700.000 đồng. Ngoài ra, Đ chi tiêu cá nhân hết 400.000 đồng. Tổng số tiền Đ đã dùng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân là 7.100.000 đồng, còn 900.000 đồng, Đ cất trong người. Ngày 16/7/2022, chị Trần Thị L có đơn tố cáo hành vi của Vũ Văn Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã triệu tập, làm việc với Vũ Văn Đ. Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Đồng thời Đ đã tự nguyện giao nộp 01 thẻ ATM của chị L; 01 thẻ ATM cùng Giấy Thông báo mật mã cá nhân thẻ của anh Kh và số tiền 900.000 đồng (*số tiền còn lại trong số tiền Đ đã trộm cắp của chị L*).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, xử lý:

- Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, số thẻ 9704186930000187494 mang tên TRAN THI L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, số thẻ 9704180000042818922 mang tên ĐANG QUOC KH; 01 Giấy Thông báo mật mã cá nhân thẻ ATM tên DANG QUOC KH xác định là các tài sản hợp pháp của chị L, anh Kh. Ngày 20/07/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại 02 thẻ ATM và Giấy Thông báo mật mã cá nhân cho chị L, anh Kh là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với số tiền Vũ Văn Đ đã trộm cắp được và dùng để trả nợ, ngày 17/8/2022, anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức Th tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, anh Bùi Quang Th tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, anh Nguyễn Xuân Q tự nguyện giao nộp số tiền 700.000 đồng và số tiền 900.000 đồng Vũ Văn Đ tự nguyện giao nộp được xác định là tài sản hợp pháp của chị L. Ngày 22/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại cho chị Trần Thị L.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị L không yêu cầu Vũ Văn Đ phải bồi thường cho chị số tiền 400.000 đồng Đ đã sử dụng để tiêu xài cá nhân. Bà Nguyễn Thị L là chủ nhà trọ mà vợ chồng chị Trần Thị L và anh Đặng Quốc Kh thuê xác định bà không bị thiệt hại gì nên không yêu cầu đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về vật chứng và về trách nhiệm dân sự. Quá trình điều tra, chị L và anh Kh và tại phiên tòa, chị L đều xác định số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo Đ đã trộm cắp và tiền sửa chữa song chắn cửa sổ nhà trọ là tiền riêng của chị không liên quan gì đến anh Kh.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện TK truy tố bị cáo về tội danh trên là đúng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo trình bày số tiền bị cáo đã trộm cắp trong tài khoản của chị L chỉ là 8.000.000 đồng, số tiền còn lại trong tài khoản của chị L thì ngân hàng vẫn đang quản lý.

Bị hại chị Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Quốc Kh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Trần Thị L vẫn có mặt. Chị trình bày đã nhận lại số tiền 7.600.000 đồng và tự nguyện cho bị cáo Vũ Văn Đ số tiền 400.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị chưa trả lại cho chị được. Đối với phần song chắn cửa sổ của ngôi nhà bị cắt rời, chị L đã tự sửa chữa, do giá trị tiền sửa chữa nhỏ, không đáng kể nên chị không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường kinh phí sửa chữa cho chị. Hai khoản tiền trên đều là tiền riêng của chị không liên quan đến anh Đặng Quốc Kh. Anh Đặng Quốc Kh trình bày đã nhận lại 01 thẻ ATM của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, số thẻ 9704180000042818922 mang tên ĐANG QUOC KH; 01 Giấy Thông báo mật mã cá nhân thẻ ATM tên DANG QUOC KH.

Tại Bản cáo trạng số: 53/CT-VKSTK ngày 03/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Vũ Văn Đ về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt chính: áp

dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/7/2022. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo nghề nghiệp không ổn định và không có tài sản riêng. Về trách nhiệm dân sự: không phải giải quyết. Về xử lý vật chứng: không phải giải quyết. Về án phí: áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Vũ Văn Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở đơn trình báo và lời khai của bị hại, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 15 giờ 00' ngày 11/7/2022, tại nhà trọ của anh Đặng Quốc Kh và chị Trần Thị L ở thôn PhL, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn Đ đã lén lút chiếm đoạt 02 thẻ ATM, 02 Giấy Thông báo số mật mã cá nhân. Đến khoảng 17h00' ngày 14/7/2022, tại máy rút tiền tự động đặt ở cổng công ty Sky Dragon, ở thôn Q, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương, Đ đã sử dụng thẻ ATM của chị Trần Thị L, nhập mã pin rút số tiền là 8.000.000 đồng trong tài khoản của chị L. Do tội Trộm cắp tài sản cấu thành hình thức và số tiền bị cáo chiếm đoạt được của chị L thực tế là 8.000.000 đồng và ngân hàng vẫn đang quản lý số tiền 600.000 đồng trong tài khoản của chị L nên xác định số tiền Vũ Văn Đ chiếm đoạt của chị Trần Thị L là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền trên của chị Trần

Thị L là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Viện kiểm sát nhân dân huyện TK đã truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chị L trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tiền của chị L nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thì thấy: ngày 03/10/2019, Tòa án nhân dân huyện NGi, tỉnh Hải Dương xử phạt Vũ Văn Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 03/4/2021; nộp tiền án phí ngày 03/10/2019. Mặc dù bản án trên bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn có nhân thân xấu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại chị Trần Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Đối với thẻ ATM của anh Đặng Quốc Kh, Đ đã có hành vi chiếm đoạt. Tuy nhiên, Đ không kích hoạt mã pin thẻ và không thực hiện việc rút tiền. Mặt khác, thẻ đã bị ngân hàng khóa tài khoản. Do đó, Đ không chiếm đoạt được số tiền trong thẻ của anh Kh nên không đặt ra xử lý.

Đối với các anh Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức Th, Bùi Quang Th và Nguyễn Xuân Q đều không biết nguồn gốc số tiền Vũ Văn Đ trả nợ mình là khoản tiền do Đ phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý. Đối với số tiền bị cáo Đ vay các anh, anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường cho anh trong vụ án này; các anh Nguyễn Đức Th, Bùi Quang Th và Nguyễn Xuân Q đều xác định số tiền Đ nợ các anh không lớn nên các anh đều không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại các anh số tiền Đ đã vay các anh nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo nghề nghiệp không ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, số thẻ 9704186930000187494 mang tên TRAN THI L; 01 thẻ ATM của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, số

thẻ 9704180000042818922 mang tên ĐANG QUOC KH; 01 Giấy Thông báo mật mã cá nhân thẻ ATM mang tên DANG QUOC KH xác định là các tài sản hợp pháp của chị L, anh Kh. Ngày 20/07/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TK đã trả lại 02 thẻ ATM và Giấy thông báo mật mã cá nhân cho chị L, anh Kh là chủ sở hữu hợp pháp nên không đặt ra giải quyết. Đối với một lưỡi cửa bằng sắt mà bị cáo Đ dùng để cửa đứt nửa phía trên song cửa thứ hai rồi vứt lưỡi cửa xuống ao, không nhớ vị trí cụ thể, không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền Vũ Văn Đ đã trộm cắp được của chị Trần Thị L và dùng để trả nợ, ngày 17/8/2022, anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức Th tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, anh Bùi Quang Th tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, anh Nguyễn Xuân Q tự nguyện giao nộp số tiền 700.000 đồng và số tiền 900.000 đồng Vũ Văn Đ tự nguyện giao nộp được xác định là tài sản hợp pháp của chị L. Ngày 22/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã trả lại cho chị Trần Thị L nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị L không yêu cầu Vũ Văn Đ phải bồi thường và tự nguyện cho bị cáo Vũ Văn Đ số tiền 400.000 đồng mà bị cáo Đ đã chiếm đoạt của chị, chưa trả lại được cho chị; đối với phần song chắn cửa sổ của ngôi nhà bị cắt rời, chị L đã tự sửa chữa, không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường tiền kinh phí sửa chữa song chắn cửa sổ cho chị nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/7/2022.

2. Về án phí: buộc bị cáo Vũ Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện TK;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh

